TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **15**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/11/2023
Về việc Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Nguyễn Thị Tiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L - Sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tiểu khu Chè Đen 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Bá T - Sinh năm: 1965. Địa chỉ: Tiểu khu Chè Đen 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà L và ông Phạm Bá T lập nghiệp tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La và có quen biết nhau rồi tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn, việc chung sống được hai bên gia đình và chính quyền địa phương công nhận. Từ năm 1996 thì bà L và ông T chuyển về sinh sống tại tiểu khu Chè

Đen 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La từ đó cho đến nay. Cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn nên bà L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết cho bà L và ông T được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có hai người con chung tên là Phạm Thị Hương, sinh ngày 13/6/1993 và Phạm Bá Thảo, sinh ngày 03/7/2000. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, cháu Hương đã xây dựng gia đình ra ở riêng còn cháu Thảo ở với bà L.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà L xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 06/11/2023, bị đơn ông Phạm Bá T trình bày:

Ông T và bà L tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn, việc chung sống được hai bên gia đình và chính quyền địa phương công nhận. Từ năm 1996 thì hai ông T và bà L chuyển về chung sống tại Tiểu khu Chè Đen 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu từ đó cho đến nay. Cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Nay bà L có đơn xin ly hôn với ông, ông T hoàn toàn nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông T xác định ông và bà L có hai con chung tên là Phạm Thị H, sinh ngày 13/6/1993 và Phạm Bá T, sinh ngày 03/7/2000. Hiện nay các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 3 T tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Phạm Bá T.

- Về con chung: Cháu Phạm Thị H, sinh ngày 13/6/1993 và cháu Phạm Bá T, sinh ngày 03/7/2000. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/10/2023, bà Trần Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc xin ly hôn giữa bà và ông Phạm Bá T. Xét thấy bị đơn đang sinh sống tại tiểu khu Chè Đen 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Bá T đã cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L và có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Bá T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Trần Thị L và ông Phạm Bá T khai nhận bà L và ông T lập nghiệp tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La và có quen biết nhau rồi tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn, việc chung sống được hai bên gia đình và chính quyền địa phương công nhận. Từ năm 1996 thì hai ông bà chuyển về chung sống tại tiểu khu Chè Đen 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La từ đó cho đến nay. Cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, bà L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết ly hôn giữa bà và ông T, ông T cũng đồng ý ly hôn.

Việc bà Trần Thị L và ông Phạm Bá T về chung sống với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 T tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*". Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch"*.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*". Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 T tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét không công

nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Phạm Bá T.

[3] Về con chung: Bà L và ông T đều khai nhận trong quá trình chung sống ông bà có hai người con chung tên Phạm Thị H, sinh ngày 13/6/1993 và Phạm Bá T, sinh ngày 03/7/2000. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động. Các đương sự không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có, do vậy Tòa án không đề cập đến việc giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, do vậy Tòa án không đề cập đến việc giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 3 T tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Phạm Bá T.

2. Về con chung: Cháu Phạm Thị H, sinh ngày 13/6/1993 và cháu Phạm Bá T, sinh ngày 03/7/2000. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về vay nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000420 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh